

**CHÙA THANH SƠN VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CỘNG  
ĐỒNG TÍN ĐỒ “TIN MINH HIẾU NGHĨA GIÁO – BỬU SƠN  
KỲ HƯƠNG” Ở THỊ TRẤN PHÚ HÒA, HUYỆN THOẠI SƠN,  
TỈNH AN GIANG**

*Tóm tắt:* Vào những thập niên đầu thế kỷ XX, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương bắt đầu phát triển trở lại, do đệ tử của các ông đạo tái lập. Sự tái hoạt của Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy và việc ra đời các chi phái cho thấy sức sống mạnh mẽ của một tôn giáo từ lâu đã ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ; khẳng định phương pháp tu hành của tôn giáo đáp ứng nhu cầu tinh thần của người dân và hoàn cảnh lịch sử xã hội. Chùa Thanh Sơn và nhóm tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương ở thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ra đời trong bối cảnh lịch sử xã hội đó và cho đến nay chưa có tác giả nào nghiên cứu về cộng đồng này. Bài viết trình bày quá trình hình thành chùa Thanh Sơn và nhóm tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương; chùa Thanh Sơn trong mối quan hệ với các ông đạo và tín đồ truyền thừa đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở An Giang; đặc trưng thờ phụng và hoạt động tôn giáo ở chùa Thanh Sơn.

*Từ khóa:* Bửu Sơn Kỳ Hương, chùa Thanh Sơn, Tin Minh Hiếu Nghĩa

**Dẫn nhập**

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ra đời vào năm 1849, có đóng góp vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần và vật chất của người dân Nam Bộ. Sự tồn tại của Bửu Sơn Kỳ Hương qua mỗi giai đoạn có

---

\* Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.  
Ngày nhận bài: 13/5/2022; Ngày biên tập: 30/8/2022; Duyệt đăng: 20/10/2022.

những biến đổi và hình thành thêm nhiều chi phái khác nhau, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của người nông dân và phù hợp với hoàn cảnh lịch sử xã hội đương thời. Trong sự biến đổi này đã tạo ra nhiều quan điểm nhìn nhận khác nhau trong chính cộng đồng tín đồ tôn giáo/giáo phái ra đời trước đối với cộng đồng tín đồ chi phái ra đời sau. Đó là một trong nhiều nguyên nhân chưa thể hình thành mối gắn kết chặt chẽ, thống nhất trong cộng đồng tôn giáo/giáo phái. Do vậy, việc nghiên cứu các chi phái của Bửu Sơn Kỳ Hương ra đời sau, một mặt cho thấy sự biến đổi tôn giáo bởi hoàn cảnh lịch sử xã hội; mặt khác, nhận diện tính đa dạng của tôn giáo trong quá trình tồn tại trước tác động của các tín ngưỡng, tôn giáo khác, mà trường hợp chùa Thanh Sơn và cộng đồng tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo là điển hình của quá trình hình thành, biến đổi và tính dung hợp đa dạng của Bửu Sơn Kỳ Hương ở Nam Bộ từ khi tôn giáo này ra đời đến nay.

Ở nghiên cứu này, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu điền dã và đã tiến hành nhiều cuộc điền dã khảo sát ở hai ngôi chùa liên quan trực tiếp đến Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo là *Thanh Sơn Tự* và *Đạo Cử Chiếu Minh Tự*. Bên cạnh đó, tác giả còn nghiên cứu điền dã ở chùa Bửu Linh, chùa Phật Trùm (Tri Tôn, An Giang), đình thần Vĩnh Thạnh Trung (ngôi đình ngày xưa do ông Đạo Lê Văn San thiết lập) - để tìm hiểu về quá trình hình thành cộng đồng tín đồ, lịch sử các nhân vật, tìm hiểu mối quan hệ giữa ông Đạo Rắc với các ông Đạo giai đoạn này. Tác giả cũng thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn sâu tín đồ ở các chùa, đình; phỏng vấn nhóm tập trung trong ngày lễ cúng,... để tìm hiểu về lịch sử các ông Đạo, phương thức tu hành, thực hành nghi lễ, lễ cúng,... Ngoài ra, tác giả còn quan sát, tham dự nhiều hoạt động lễ cúng của tín đồ ở chùa Thanh Sơn và tại gia đình con cháu ông Đạo Rắc, quay video về thực hành tôn giáo,... để nghiên cứu so sánh trong quá trình lý giải các khía cạnh của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nói chung, nhóm tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở chùa Thanh Sơn nói riêng.

### **1. Lịch sử hình thành chùa Thanh Sơn**

Chùa Thanh Sơn nằm bên cạnh rạch Bờ Ao, thuộc thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Người khai lập chùa là ông

Huỳnh Công Thông. Hiện nay không có tư liệu ghi chép cụ thể về ông, nhưng theo các tín đồ cao niên trong đạo mà chúng tôi tham vấn thì, có thể ông Huỳnh Công Thông sinh năm 1897<sup>1</sup> trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Phú Hòa. Cha ông là Huỳnh Minh Lảnh (Lãnh) (1853-1932), mẹ Huỳnh Thị Chiến (1874-1945). Do nhà nghèo nên ông siêng năng làm ruộng rẫy phụ giúp gia đình, tích cực khai khẩn đất hoang trồng trọt; tu tại gia theo đạo Phật và tín ngưỡng dân gian. Ông được học chữ nho từ những thầy nho trong làng Phú Hòa.

Ông Huỳnh Công Thông lập gia đình với bà Lương Thị Chín - con gái một gia đình nông dân nghèo trong làng. Ông bà sinh được tám người con, nhưng khi ra đời yếu mệnh còn ba người. Đến khoảng năm 40 tuổi, trong một lần cùng gia đình và người thân đến cày bừa, khai phá đất rừng để trồng lúa tại vùng Đá Nổi<sup>2</sup>, ông bị rắn lục cắn và trúng độc rất nặng. Từ đó, hằng ngày ông chịu cảnh đau đớn, mọi sự cứu chữa của thầy thuốc đều không thuyên giảm. Sau thời gian dài như vậy, bỗng nhiên, ông nổi tiếng vì biết làm thuốc trị bệnh cho người dân trong vùng. Thời kỳ này, cuộc sống người dân khó khăn, bệnh tật trong làng Phú Hòa rất nhiều, nhất là bệnh dịch tả, ai đến nhờ ông chữa trị đều khỏi bệnh. Theo tín đồ cao tuổi, khả tín<sup>3</sup>, ông có biệt tài trị bệnh “điên, khùng” rất hữu hiệu; nhiều trường hợp bệnh nặng ở các địa phương khác đến nhờ ông cứu chữa đều hết bệnh.

Từ khi ông chữa bệnh hiệu nghiệm thì người dân đến quy y học đạo rất đông. Ông cho họ biết rằng, ông nhận phần “căn/xác” của ông Hai Nhà Láng Trần Văn Nhu, con trai cả của Quán cơ Trần Văn Thành. Trong thời gian truyền dạy đạo, ông Huỳnh Công Thông xưng danh Đạo Rắc (Rất). Ông là con thứ hai trong gia đình nên người theo học đạo gọi ông bằng Cậu Hai hoặc ông Đạo Rắc. Sau đó, ông Đạo Rắc cất một ngôi chùa nhỏ bằng tre lá đơn sơ trên bờ hồ (phía sau nhà ông, cạnh rạch Bờ Ao), là nơi hoang vắng để tịnh tâm tu hành, truyền đạo và trị bệnh cho người dân. Do vậy, tín đồ còn gọi ông bằng Cậu Hai Bờ Hồ. Không rõ ông cất ngôi chùa truyền đạo năm nào, nhưng căn cứ vào thời gian ông bị “hành xác”, trị bệnh, truyền đạo và những chữ Hán ghi trên bảng hiệu ngôi chùa 青山寺龍年下元吉旦造 (Thanh Sơn tự, Long niên hạ nguyên cát đán tạo: Chùa Thanh Sơn,

thành lập vào ngày tốt, rằm tháng 10 năm Thìn), thì có thể cho rằng, thời gian ông Đạo Rắc lập chùa là năm Mậu Thìn (1940).

Ông dạy tín đồ tu hành bằng những lời lẽ bình dân, dễ hiểu: lo làm lành, làm ăn ngay thẳng, hằng ngày niệm Phật, không được làm điều sai trái... Khi ông truyền đạo và trị bệnh cứu người hiệu nghiệm, người dân trong làng tin tưởng, tu hành theo ông rất đông. Hằng ngày, tín đồ chăm lo lao động, chiều về nghe dạy đạo, niệm Phật. Song song với truyền đạo, ông Đạo Rắc còn in Lòng phái và bài kệ, phù đề phát cho tín đồ; ông lấy tên đạo là “Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương hiệu” (信明孝義教寶山奇香號). Ông Đạo Rắc qua đời năm 1961, hưởng thọ 64 tuổi. Mộ phần ông được tín đồ lập phía sau chùa Thanh Sơn, cùng với mộ phần cha mẹ, vợ và con của ông.

Về tên gọi của đạo, tín đồ giải thích rằng: “Tin Minh” - mình có “tin” (信) mới “minh” (明) (sáng), lấy đạo “Hiếu Nghĩa” (孝義) làm đầu, còn “Bửu Sơn Kỳ Hương hiệu” là tên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương do Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền sáng lập. Qua tên đạo có thể thấy, Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo thực tế là sự tiếp nối đạo Bửu Sơn Kỳ Hương; lấy nội dung tư tưởng trọng tâm của tôn giáo này là thực hành Hiếu Nghĩa, như Ân tổ tiên cha mẹ (Hiếu), Ân đất nước (Nghĩa), Hiếu với cha mẹ, Nghĩa với đồng bào làm danh xưng của đạo. Việc cải biên tên, một mặt khuyên con người cần đặt niềm “tin” vào “ánh sáng” của thực hành “Hiếu Nghĩa”; mặt khác, do hoàn cảnh lịch sử xã hội thời bấy giờ, nếu nói rõ tên đạo Bửu Sơn Kỳ Hương sẽ bị thực dân Pháp theo dõi, gây khó khăn.

Tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa Thanh Sơn không có hệ thống kinh giảng. Ông Đạo Rắc trong thời gian dạy đạo không sáng tác thi giảng lưu truyền cho tín đồ. Ông đơn thuần dạy “niệm Phật” và “làm lành”. Trước đây, tín đồ có sử dụng các kinh sách của Phật giáo như kinh Phổ Môn hoặc các bài thi giảng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương để ngâm nga đọc tụng nhắc nhở việc tu hành. Tuy nhiên, thời kỳ năm 1975 về sau, sinh hoạt tôn giáo bị hạn chế, sách thi giảng tín đồ cất giấu bị hư hại, từ đó chùa không còn lưu truyền, sử dụng kinh sách. Tuy nhiên, theo các tín đồ, thời kỳ ông Đạo Rắc còn sống, tập thi giảng mà ông và tín đồ thường ngâm nga là

“Cửu khúc kiêng tiêng”, còn gọi là “Kim cổ kỳ quan” của ông Đạo Nguyễn Văn Thới (ông Ba Thới), một tín đồ uy tín, đạo cao đức trọng của ông Trần Văn Nhu. Ông Ba Thới được cho là người “xét đạo” khi có người quy y theo Bửu Sơn Kỳ Hương. Ngoài ra, tín đồ còn đọc truyền tập thi giảng *Tri lai Bửu tích* do ông Đạo Trần Quang Nhơn (con trai trưởng ông Trần Văn Nhu) sáng tác. Những bộ thi giảng này tín đồ thường học thuộc lòng và ngâm nga để hiểu về sự tích của đạo mà Tổ, Thầy truyền dạy.

## **2. Chùa Thanh Sơn trong mối quan hệ với các ông đạo và tín đồ truyền thừa đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở An Giang**

Giai đoạn ông Đạo Rắc truyền đạo, ở An Giang xuất hiện nhiều ông đạo là tín đồ truyền thừa của Bửu Sơn Kỳ Hương hoặc miêu duệ (con cháu) của các ông đạo thời kỳ giáo chủ Đoàn Minh Huyền, như trường hợp ông Trần Quang Nhơn, con trai trưởng ông Hai Nhà Láng Trần Văn Nhu, cháu nội Quán cơ Trần Văn Thành. Khi trở nên nổi tiếng, ông Đạo Rắc được các ông đạo biết đến, từ đó có mối liên hệ chặt chẽ trong quá trình tu hành, truyền đạo giữa các nhóm tín đồ.

Thời gian này, ông Đạo Rắc có mối quan hệ thân hữu với ông Đạo Hai Xà Tón tên Chau Chứa (sinh năm 1915, còn gọi là Trần Duy Đức), một tín đồ của Bửu Sơn Kỳ Hương quy y theo cháu<sup>4</sup> của ông Tà Pôn (ông Đạo Đền, còn gọi Đức Phật Phật Trùm) đang truyền đạo, trị bệnh ở vùng Tri Tôn. Ông đạo Chau Chứa – Trần Duy Đức còn tu theo Đạo giáo với những phù thuật, thờ phụng đài Tam giáo. Ông qua đời năm 1994, hưởng thọ 80 tuổi. Ngôi chùa Bửu Linh do ông thành lập để thờ phụng và truyền đạo hiện nay vẫn còn [Nguyễn Trung Hiếu, 2020: 243-344]. Do ông Đạo Rắc lớn tuổi hơn và nhận phần “căn/xác” của ông Hai Nhà Láng Trần Văn Nhu nên ông Đạo Hai Xà Tón tôn xưng ông Đạo Rắc là đại ca với nghĩa kính trọng. Mối quan hệ giữa ông Đạo Rắc và ông Đạo Hai Xà Tón Trần Duy Đức làm cho quá trình truyền đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ngày càng lan tỏa, vững mạnh trong bối cảnh lịch sử xã hội nhiều tôn giáo, giáo phái mới ra đời ở An Giang.

Cũng trong giai đoạn này, còn có ông Trần Quang Nhơn, sinh năm 1908, tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo (còn gọi là Thầy Trần Minh

Chiếu hay Trần Văn Chiếu), pháp danh Nhị Nhon. Ông là con thứ hai của ông Trần Văn Nhu<sup>5</sup>. Ông viên tịch ngày 3/7 (âm lịch) năm 1985.

Theo tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương chùa Đáo Cử Chiếu Minh tự (Vĩnh Thạnh Trung, Châu Phú) và vị cao niên đình Vĩnh Thạnh Trung cho biết, khi xưa, vùng đất phía ngọn rạch cầu Chữ S ngày nay được gọi là rạch Ngã Bát, nơi đặt đôn/trạm gác Đáo Cử trong cuộc khởi nghĩa của Quân cơ Trần Văn Thành<sup>6</sup>. Và theo quan niệm của tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, ngọn Ngã Bát thuộc *Bắc phương Hắc đế* trong *Ngũ phương chư Phật* liên quan đến truyền tích năm ông Thế trần yêm [Nguyễn Văn Hầu, 1956: 46].

Ở vùng đất hoang vu rạch Ngã Bát, vào năm 1867, có một vị đệ tử thứ tư của Phật Thầy Tây An tên là Lê Văn San/Son<sup>7</sup> (山), còn gọi là ông Đạo San, pháp danh thầy Khùng, đã vâng lệnh Phật Thầy Tây An về đây sinh sống. Ông dựng tại đây một ngôi chùa bằng tre lá đơn sơ để truyền đạo và trị bệnh cho người dân. Sau đó, ông cất thêm ngôi đình thờ thần Thành hoàng bốn cảnh, đó là đình Vĩnh Thạnh Trung ngày nay. Thời kỳ mới khai lập, đình chưa được đặt tên. Hiện chúng tôi chưa tìm được tư liệu ghi chép về lai lịch ông Đạo San, nhưng theo tín đồ chùa Đáo Cử Chiếu Minh và thủ từ đình Vĩnh Thạnh Trung nói giữ lời truyền tụng của người lớn tuổi trong làng, ông Đạo San quê gốc ở vùng Tiền Giang, đến vùng Thất Sơn tu hành và quy y theo giáo chủ Đoàn Minh Huyền từ rất sớm. Theo bia mộ, ông sinh năm 1805. Ông Đạo Lê Văn San đến đây tu hành và đặt tên đạo là “Tin Minh Hiếu Nghĩa, hiệu Bửu Sơn Kỳ Hương”. Ông Đạo San sống và truyền đạo tại đây khoảng hai mươi năm thì viên tịch vào ngày 6/9/1887, trụ thế 82 tuổi. Mộ phần của ông được tín đồ và người dân trong làng an táng trước ngôi chùa lá đơn sơ do ông dựng nên. Sau này, do ngôi mộ bị ngập nước, tín đồ và người dân cải táng lập mộ trước đình Vĩnh Thạnh Trung, do ông tạo lập trong thời gian truyền đạo.

Sau khi ông Đạo Lê Văn San qua đời, chùa không có người trụ trì, chủ đất mới đã cho những người tu hành đến ở tiếp tục hương khói, giữ gìn ngôi chùa. Đến năm 1921, dân trong làng thường bị đau ốm, dịch bệnh, người chết rất nhiều. Ông Trần Hữu Thiên, Hội đồng chủ đất, đứng ra lập bàn cầu nguyện, mong cho dân làng được

bình yên, qua cơn đại dịch. Khi dịch bệnh chấm dứt, ông sửa lại ngôi chùa bằng cây lá tốt để thờ phụng và giao lại cho ông Trịnh Văn Vĩnh quản lý. Ông Vĩnh đặt tên chùa là Vĩnh An tự. Đến năm 1930, ông Vĩnh đi nơi khác và giao chùa lại cho ông Hội đồng Thiên. Sau đó, ông Hội đồng giao chùa cho người cháu Trần Văn Chiếu (con trai cả ông Trần Văn Nhu) làm chủ chùa. Ngày 19/9/1933, ông Chiếu sửa lại ngôi chùa cho rộng và kiên cố hơn, đổi tên chùa thành Đáo Cử Chiếu Minh. Năm 1940, ông Trần Minh Chiếu tiếp tục trùng tu ngôi chùa bằng gỗ, lợp ngói. Năm 1964, ông cho xây dựng lại phần chính điện bằng gạch và xi-măng. Từ đó về sau, ông Trần Minh Chiếu cùng tín đồ và người dân trong làng tiếp tục trùng tu ngôi chùa với nhiều hạng mục và ngôi thờ<sup>8</sup>.

Ông Trần Văn Chiếu - Trần Quang Nhơn giữ chùa, sinh sống, truyền đạo và bốc thuốc trị bệnh cho người dân trong, ngoài làng, tiếp tục nói truyền đạo Bửu Sơn Kỳ Hương mà tổ, phụ ông gìn giữ. Theo tín đồ chùa Đáo Cử Chiếu Minh, ông Trần Minh Chiếu thọ nhận phần “căn/xác” của ông Đạo Lê Văn San trong suốt cuộc đời truyền đạo của mình. Bằng truyền thừa mỗi đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được tín đồ lập và lưu giữ tại chùa ghi rõ việc ông nhận phần “căn/xác” này. Sự tái lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và sự hiệu nghiệm trong việc trị bệnh cho người dân của Cậu Hai Cả Trần Quang Nhơn đã thu hút rất đông tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương và người dân khắp nơi đến quy y, học đạo, trị bệnh. Ông Trần Quang Nhơn sáng tác tập thi giảng *Tri lai Bửu tích* nói về quá trình ra đời đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của Phật Thầy Tây An; quá trình rời bỏ ruộng vườn quy y tu hành của ông Trần Văn Thành và ông Trần Văn Nhu; việc kháng chiến chống Pháp của ông Trần Văn Thành và thực dân Pháp đàn áp tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương... Về tên gọi Đáo Cử Chiếu Minh Tự, có những kiến giải như sau: Một là, đặt theo tên đồn/trạm Đáo Cử khi xưa của nghĩa binh Gia Nghị; Hai là, nơi *trở về* (Đáo Cử) *làm rạng danh* (Chiếu Minh) của một nhân vật nào đó sẽ xuất hiện trong tương lai, ám chỉ Đức Quán cơ Trần Văn Thành. Với sự nổi tiếng của Cậu Hai Trần Quang Nhơn và sự phát triển của đạo Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương, ông Đạo Rắc cùng những tín đồ của mình đã kết nối - “theo căn tìm về” chùa Đáo Cử, nơi ông Trần Quang Nhơn kế thừa truyền

đạo Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo – Bửu Sơn Kỳ Hương từ ông Đạo Lê Văn San và tổ phụ của ông. Từ đó hai ông Đạo và cộng đồng tín đồ cùng kết giao - hòa nhập vào làm một, hình thành nên “Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - hiệu Bửu Sơn Kỳ Hương”.

Có thể cho rằng, thời kỳ đầu truyền đạo, ông Đạo Rắc chưa đặt tên đạo rõ ràng, chỉ truyền dạy tín đồ làm lành, tu hiền, niệm Phật... Sau khi “theo căn tìm về” và có sự kết giao với ông Đạo Trần Quang Nhơn, ông Đạo Rắc thụ nhận tên đạo Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo, hiệu Bửu Sơn Kỳ Hương và công bố trong cộng đồng tín đồ của mình. Từ đó, ông chính thức tu hành theo Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương. Chùa Đáo Cử Chiếu Minh gắn liền với di tích và truyền thừa của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Do vậy, chùa Đáo Cử Chiếu Minh trở thành “chùa chánh” của Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo – Bửu Sơn Kỳ Hương. Hằng năm, tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở Thanh Sơn tự đều đến kính viếng Tổ, Thầy, chúc xuân, báo cáo hoạt động của tín đồ họ đạo Thanh Sơn. Chùa Đáo Cử là nơi phát Lòng phái, “phù đề” cho tín đồ chùa Thanh Sơn... Nhìn chung, mối quan hệ chặt chẽ giữa hai ngôi chùa, cộng đồng tín đồ được thiết lập từ thời kỳ truyền đạo của ông Đạo Rắc và ông Hai Trần Quang Nhơn. Tín đồ hậu duệ sau này vẫn tiếp nối gìn giữ mỗi đạo.

### **3. Đặc trưng thờ phụng của Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo – Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa Thanh Sơn**

Khi ông Đạo Rắc truyền đạo, cách thức thờ phụng trong chùa theo đặc trưng của Bửu Sơn Kỳ Hương. Tại vị trí trung tâm chùa lập bàn thờ hai tầng, nơi cao nhất đặt biểu tượng Trần điều (tám vải đỏ) nhỏ ghi chữ 伏 (Phật), phía dưới là biểu tượng Trần điều lớn (ngang khoảng 40 cm, cao 60 cm) tượng trưng cho việc thờ Phật, tầng dưới thờ Đức Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền. Hai bên bàn thờ trung tâm chính điện thờ *cựu thần văn* (bên phải) và *cựu thần võ* (bên trái). *Cựu thần văn* và *cựu thần võ* là những vị quan văn, quan võ có công đóng góp cho triều đình hoặc trong các cuộc kháng chiến. Đối tượng thờ này khác biệt so với nhiều ngôi chùa của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương - phần lớn thờ Tả ban và Hữu ban hay các vị có công với đạo, với chùa... Căn cứ trên nhiều tư liệu điền dã, có thể cho rằng, việc thờ

*quan văn* và *quan võ* trong chùa chịu ảnh hưởng bởi niềm tin tái lập một triều đình An Nam trước sự đô hộ của thực dân Pháp. Đối diện bàn thờ Trần điều nơi chính điện là bàn thờ Ông bà Đức Cố Quản Trần Văn Thành, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Láng Linh Bảy Thưa. Biểu tượng thờ là Trần điều.

Phía hậu tự tín đồ lập ba bàn thờ. Gian giữa thờ *Mười hai lĩnh đạo*, còn gọi là mười hai ông đạo hoặc *Thập nhị hiền thủ*. Mười hai ông đạo theo quan niệm của tín đồ ở chùa Thanh Sơn và Đảo Cử Chiếu Minh tự hoàn toàn khác với *Mười hai ông đạo* được thờ ở các chùa khác mà nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập. Các tư liệu nghiên cứu trước 1975 đề cập đến mười hai ông đạo đệ tử giáo chủ Đoàn Minh Huyền nhưng lại không đủ mười hai vị, điển hình là các ông: Đức Cố Quản Trần Văn Thành, Tăng chủ Bùi Thiên sư (Bùi Văn Thân), Bùi Văn Tây, Nguyễn Văn Xuyên, Phạm Thái Chung, ông Đạo Sĩ, ông Đạo Thắng, ông Đạo Chợ, ông Đạo Đọt [Vương Kim, Đào Hưng, 1954]. Sau này, có tư liệu đã khảo cứu đầy đủ mười hai vị: Quán cơ Trần Văn Thành, Bùi Văn Thân, Bùi Văn Tây, Nguyễn Văn Xuyên, Đặng Văn Ngoạn, Phan Văn Lãnh, Phạm Thái Chung, Huỳnh Văn Đọt, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Thắng, Trần Văn Sang, Trần Văn Thạch [Nhật Huỳnh, 2006: 37-38]. Còn theo ghi chép về các ngày giỗ trong đạo của tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa Phước Điền (Thới Sơn, Tịnh Biên), do miêu duệ của ông Đạo Trần Văn Sang lập, *Thập nhị hiền thủ* là Trần Văn Thành, Bùi Văn Thân, Bùi Đình (Văn) Tây, Phạm Văn Lãnh, Trần Văn Sang, Nguyễn Văn Xuyên, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Thái Chung, Nguyễn Văn Dương, Huỳnh Văn Đọt, Trần Văn Thạch, Đặng Văn Ngoạn. Tuy nhiên, *Mười hai lĩnh đạo* được thờ ở chùa Thanh Sơn gồm các vị: Ông Năm Thiếp (Ngô Lợi), ông Đạo Đền (tự Phật Trùm), ông Xuyên (Nguyễn Văn Xuyên), ông San (tự Đạo Hóa), ông Mến, ông Phước, ông Ối, ông Đá, ông Dực, ông Đình Tây, ông Hai Phật Cậu chùa Láng (ông Trần Văn Nhu). Danh tính các ông Đạo trong *Thập nhị hiền thủ* của giáo chủ Đoàn Minh Huyền và lịch sử tu hành của các ông đến nay vẫn còn nhiều bí ẩn, bất nhất.

Bên phải bàn thờ *Mười hai lĩnh đạo* có bàn thờ Phật Năm ông. Hình tượng Phật Năm ông phổ biến trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ

Ân Hiếu Nghĩa, Tứ Ân Đạo Phật. *Năm ông* - Ngũ công vương Phật - theo thi giảng và niềm tin của tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là: “Nam mô Chí công vương Phật, Nam mô Đường công vương Phật, Nam mô Bửu công vương Phật, Nam mô Hóa công vương Phật, Nam mô Lãng công vương Phật” [Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương Tứ Ân Hiếu Nghĩa, 2001: 30]. Trong kinh *Mật kiếp Báo ân*, Năm ông là “Nam mô Đông phương Thanh đế Giáp Ất Mộc Chí công vương Phật, Nam mô Tây phương Bạch đế Canh Tân Kim Lãng công vương Phật, Nam mô Trung ương Huỳnh đế Mỗ Kỷ Thổ Đường công vương Phật, Nam mô Nam phương Xích đế Bính Đinh Hỏa Bửu công vương Phật, Nam mô Bắc phương Hắc đế Nhâm Quý Thủy Hóa công vương Phật” [Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương Phật Thầy Tây An, 2005: 25].

Theo bộ *Kinh Năm ông* bằng chữ Nôm do Nguyễn Văn Sâm sưu tầm và phiên âm, Năm ông gồm năm vị Phật: “Nam Mô Chí công Quan Âm Phật, Nam Mô Hóa công Quan Âm Phật, Nam Mô Đường công Quan Âm Phật, Nam Mô Tức công Quan Âm Phật, Nam Mô Bửu công Quan Âm Phật” [Nguyễn Văn Sâm, 2006: 11]. Trong bài kệ Lòng phái của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tứ Ân Đạo Phật, Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo mà chúng tôi sưu tầm được đều nói đến hình tượng Phật Năm ông như đã đề cập. Tuy vẫn là Năm ông, nhưng ở mỗi Lòng phái có sự khác biệt nhỏ về tên gọi. Hình tượng Năm ông là năm vị Phật theo quan niệm của Mật tông Phật giáo, có chức năng cứu độ linh hồn con người khi chết hay giúp con người tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ, ác thần xa lánh... Trong Mật tông Phật giáo, hình tượng Phật Năm ông, ngũ sắc xuất hiện khá nhiều. Cũng chính vì mang ý nghĩa Mật giáo - phù hộ độ trì tai qua nạn khỏi, trừ tà ma ủy mị, trừ ôn hoàng dịch lệ, trừ ác thú muôn bày... nên trong Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật Năm ông gắn liền với Ngũ phương. Biểu hiện của Ngũ phương là Năm cây thẻ (mỗi ông đảm nhận một cây/hướng, gọi là ông thẻ), có chức năng trấn yểm trừ tà ma ủy mị, trấn trạch trừ ôn hoàng dịch lệ... để bảo vệ ngôi báu Trung ương<sup>9</sup>, dọn đường đi đến/hoặc gìn giữ Hội Long Hoa<sup>10</sup> trong thế giới quan các vị Phật ra đời của Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tứ Ân Đạo Phật và Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo.

Tuy nhiên, theo một nghiên cứu gần đây, các vị Phật Năm ông - Ngũ công vương Phật có nguồn gốc từ Trung Quốc. Trong quá trình khai lập Bửu Sơn Kỳ Hương, giáo chủ Đoàn Minh Huyền đã bị ảnh hưởng bởi *Kinh Ngũ công* của người Trung Hoa khi bộ kinh này được truyền sang Việt Nam [Nguyễn Thanh Phong, 2018: 122] thông qua các nhóm người Hoa “phản Thanh phục Minh” đến Nam Bộ. Đây là nghiên cứu lý thú, cho thấy mối quan hệ về tư tưởng, đặc điểm thờ phụng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (và Tứ Ân Hiếu Nghĩa) với văn hóa Trung Hoa truyền đến Nam Bộ. Mặc dù vậy, theo chúng tôi, đây có thể là sự tương đồng giữa hai quan niệm thần linh trong các tôn giáo dân gian. Cũng có thể đó là sự tiếp nhận Mật tông Phật giáo của người Hoa từ Trung Hoa, rồi xây dựng nên hình tượng Phật Năm ông - Ngũ công nhằm thu hút người dân, phục vụ cho công cuộc khởi nghĩa của các thủ lĩnh trong phong trào khởi nghĩa nông dân, rồi dần truyền sang Việt Nam? Ngoài ra, ở Trung Hoa và Việt Nam, tư tưởng ngũ hành ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống tâm linh của người dân và cũng đã hình thành nên các biểu tượng thờ gắn với hình tượng Năm ông - Ngũ hành. Do vậy, không loại trừ khả năng Ngũ công vương Phật là biến thể từ ngũ hành.

Bên trái bàn thờ *Mười hai lịnh đạo* là bàn thờ *Nam nữ tử theo đạo*. Tín đồ cho biết, Nam nữ tử theo đạo gồm tín đồ tu hành trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương qua các thời kỳ, đóng góp cho đời, cho đạo, thủ tự, các vị góp công sức vào quá trình khẩn hoang lập làng, anh hùng tử sĩ của đạo,...

Phía trước sân chùa lập bàn thờ Thông thiên hai tầng, thờ Thiên hoàng (Trời) và Địa mẫu (Đất) theo quan niệm dân gian trong việc hình thành và quản quản vũ trụ: Cha - Trời, Mẹ - Đất, khởi thủy từ tư tưởng Đạo giáo. Bên phải bàn thờ Thông thiên có miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương. Hằng ngày, tín đồ đều thực hành nghi lễ như ở các bàn thờ khác trong chùa. Vào các ngày lễ cúng, miếu thờ Ngũ Hành cũng được dâng vật phẩm cúng.

Tu hành, thờ phụng theo giáo pháp vô vi, nên các bàn thờ trong chùa Thanh Sơn được tín đồ thực hiện theo tinh thần vô vi - không thờ tượng cốt. Trên bàn thờ bày biện Trần điều, lư hương, bộ lư, chân đèn, gói dựa, hoa, quả, bánh, ghè dựa...

Qua khảo thuật các linh thể thờ phụng trong chùa Thanh Sơn, có thể thấy ông Đạo Rắc đã thiết lập đối tượng thờ phụng theo truyền thống của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, dù rằng, thời kỳ đầu truyền đạo, ông được cho là chưa từng tu theo Bửu Sơn Kỳ Hương, gia đình tu theo Phật giáo dân gian. Từ đó, có thể nhận thấy, ông Đạo Rắc là một hiện tượng độc đáo, kế thừa phương pháp tu hành, thờ phụng của Bửu Sơn Kỳ Hương bằng “cảm thức” của chính ông. Nói theo dân gian, đó là sứ mệnh thụ nhận - phần “căn/xác” của Cậu Hai Nhà Láng Trần Văn Nhu.

#### **4. Hoạt động tôn giáo ở chùa Thanh Sơn**

##### **4.1. Hoạt động tôn giáo hằng ngày và các lễ cúng trong năm**

Hằng ngày, chùa Thanh Sơn thực hành ba thời cúng. Thời sáng bắt đầu từ 4 hoặc 5 giờ, trưa 11 giờ, chiều 6 giờ. Ở nhà, tín đồ thực hiện hai thời cúng: sáng và chiều. Mỗi năm, chùa Thanh Sơn tổ chức nhiều lễ cúng, bao gồm lễ cúng tôn giáo và lễ cúng gắn liền với tín ngưỡng dân gian. Cụ thể, những lễ cúng diễn ra vào các tháng âm lịch như sau:

##### *Tháng Mười hai*

Ngày 25 tổ chức lễ cúng sấp ấn vào 12 giờ trưa (ngọ) với ý nghĩa đưa tiền chُر thiên; lễ vật cúng là các mâm đồ ngọt. Sau lễ cúng, tất cả hoạt động cúng trong chùa từ ngày này đến đầu năm mới (tối giao thừa) tín đồ không được gõ chuông, mõ mà chỉ thực hiện nghi thức thắp nhang, vái nguyện và quỳ lạy. Từ đầu năm mới, mọi hoạt động cúng thực hiện đánh chuông, mõ bình thường. Vật phẩm “ngọt” trong ngày cúng chُر thiên chủ yếu là chè, bánh ngọt, nước trà, nước mát, bông. Các bàn thờ trong và ngoài chùa đều được dâng phẩm vật.

Chiều ngày 29, lúc 6 giờ, tín đồ tổ chức cúng trình lễ cầu kinh. Tuy gọi trình lễ cầu kinh nhưng không có hoạt động tụng kinh, đánh chuông, gõ mõ; tín đồ thực hiện nghi thức đốt nhang, vái nguyện và quỳ lạy ở các bàn thờ.

Ngày 30, vào 1 giờ sáng, cúng trình lễ chُر thần với một mâm lễ đồ ngọt ở bàn thờ Phật. Các bàn thờ khác dâng cúng hoa, quả.

Chiều 30, lúc 3 giờ, thực hiện cúng rước ông bà. Trong lễ cúng này, vật phẩm gồm ba mâm cúng mặn, mỗi mâm cúng thỉnh một vị:

một mâm cúng Đức Cô Quán Trần Văn Thành, một mâm cúng hậu bàn thờ Mười hai lịnh đạo và mâm cúng Đất đai viên trạch. Mục đích là cung thỉnh các vị về thọ hưởng vật phẩm, độ cho cuộc sống người dân được bình an, làm ăn thuận lợi...

#### *Tháng Giêng*

Ngày đầu năm, vào 7 giờ sáng, tín đồ quy tập tại chùa, bày các mâm cúng gồm bánh, hoa, quả... trên các bàn thờ, thực hiện cúng rằm ông bà với các nghi thức đốt nhang, vái nguyện và quỳ lạy theo tiếng chuông, mõ.

Cúng Việc lễ diễn ra vào ngày mùng sáu tại chùa. Đây là lễ cúng theo tín ngưỡng dân gian. Tín đồ thực hiện lễ vật cúng mặn với chín mâm, gồm các món gắn liền với quá trình di dân khẩn hoang, lập làng của người Việt vùng Nam Bộ. Vật phẩm bày biện trên tất cả các bàn thờ (trừ bàn thờ Phật chỉ cúng bánh ngọt) và ngoài sân chùa. Lễ cúng diễn ra vào khoảng 7 - 8 giờ sáng. Tất cả tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - hiệu Bửu Sơn Kỳ Hương sinh sống xung quanh chùa và nhiều nơi khác đến thực hiện lễ cúng.

Cúng Hạ nêu tổ chức vào 6 giờ sáng ngày mùng bảy. Tín đồ quy tập tại chùa dâng cúng bánh ngọt, hoa, trà lên các bàn thờ; thực hiện nghi thức thắp nhang, vái nguyện và quỳ lạy theo tiếng chuông, mõ.

Lễ cúng giỗ Đức Cố Rác diễn ra vào mùng bảy và mùng tám. Tín đồ gần chùa và nhiều nơi khác trong tỉnh về chùa chung tay nấu phẩm vật dâng cúng Thầy. Vật phẩm cúng giỗ gồm các món mặn, dâng lên các bàn thờ trong và ngoài chùa (ngoại trừ bàn thờ Phật). Tín đồ thực hành nghi lễ giống như các lễ cúng khác: đốt nhang, vái nguyện và quỳ lạy theo tiếng chuông, mõ.

#### *Tháng Hai*

Ngày 21-22, tín đồ tổ chức lễ cúng Đức Quán cơ Trần Văn Thành. Lễ cúng kỷ niệm ngày mất tích của Quán cơ Trần Văn Thành và cúng nghĩa binh Gia Nghị trong cuộc kháng chiến chống Pháp vùng Láng Linh - Bảy Thưa. Lễ cúng này diễn ra ở hầu hết các chùa của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Ở chùa Thanh Sơn, chiều ngày 21, tín đồ cúng bánh ngọt; ngày 22 dâng bảy mâm cúng mặn, bao gồm: hai mâm cúng Đức

Cổ Quán, hai mâm cúng quan cựu thân văn võ hai bên, một mâm cúng Đất đai viên trạch, một mâm cúng gia bảo (tổ tiên ông bà Đức Cổ Rắc). Khi bày đầy đủ các mâm lễ vật, tín đồ thực hiện nghi thức cúng giống như các lễ khác.

#### *Tháng Ba*

Vào ngày 24 và 25, tín đồ tổ chức lễ cúng giỗ ông Hai Nhà Láng Trần Văn Nhu. Vì ông Đạo Rắc nhận phần “căn/xác” của ông Hai Trần Văn Nhu - tái hồi truyền đạo, trị bệnh cứu người, nên tín đồ làm lễ cúng giỗ để nhớ ơn Tổ, Thầy. Chiều ngày 24, tín đồ dâng cúng vật phẩm bánh ngọt, hoa, quả, trà nước trên các bàn thờ, thực hiện nghi thức cúng “mâm tiên”<sup>11</sup> như cúng giỗ truyền thống của người Việt. Sáng ngày 25, tín đồ tề tựu nấu mười hai mâm vật phẩm mặn, bày biện trên tất cả các bàn thờ trong và ngoài chùa (ngoại trừ bàn thờ Phật và Phật Thầy Đoàn Minh Huyền). Tín đồ tiến hành nghi thức như các lễ cúng khác, theo trình tự: thấp nhang, vái nguyện và quỳ lạy theo tiếng chuông, mõ.

#### *Tháng Tư*

Tổ chức lễ cúng giỗ ông chủ chùa Huỳnh Công Nút vào ngày mùng mười và mùng một. Ông Nút là con ông Huỳnh Công Thông (ông Đạo Rắc). Khi ông Đạo Rắc qua đời, chùa được giao cho tín đồ thân tín và ông Nút trông giữ, tiếp nối sự nghiệp của ông Đạo Rắc, khuyên dạy tín đồ tu hành theo pháp môn niệm Phật, làm ăn ngay thẳng. Khi ông Nút qua đời, chùa do tập thể tín đồ con cháu trong thân tộc trông giữ. Vật phẩm cúng giỗ là mâm cúng mặn theo truyền thống lễ giỗ của người Việt. Các lễ vật cúng được bày trên bàn thờ trong và ngoài chùa. Nghi lễ tiến hành tương tự các lễ cúng khác.

#### *Tháng Năm*

Tín đồ tổ chức lễ cúng giỗ bà Cổ Quán Nguyễn Thị Thạnh, hiền thê Đức Quán cơ Trần Văn Thành. Theo bia mộ, bà Cổ Quán mất ngày mùng năm tháng Năm (âm lịch) năm 1899. Mộ phần bà được an táng gần Bửu Hương tự (xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú). Chiều ngày mùng bốn các tín đồ cúng mâm tiên, lễ vật là mâm ngọt; sáng mùng năm nấu

mười mâm mận tiếp tục dâng cúng trên các bàn thờ trong và ngoài chùa. Dâng xong vật phẩm, tín đồ tụ họp thực hiện nghi thức cúng.

#### *Tháng Tám*

Lễ cúng vía Đức Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền diễn ra trong ba ngày: mười một, mười hai, mười ba. Chiều ngày mười một, tín đồ dâng vật phẩm ngọt, gồm chè, bánh, hoa, quả... trên các bàn thờ trong chùa. Sáng ngày mười hai, tín đồ cúng mâm cơm chay; 12 giờ đêm cúng một mâm cơm muối mè, trà quế trên bàn thờ Phật và Đức Phật Thầy Tây An. Sáng ngày mười ba, tín đồ cúng tám mâm cơm mận trên các bàn thờ trong và ngoài chùa (ngoại trừ bàn thờ Phật và Đức Phật Thầy Tây An). Hoàn thành vật phẩm cúng, tín đồ tề tựu thực hiện nghi thức đốt nhang, vái nguyện, cắm nhang và quỳ lạy ở các ban thờ theo tiếng chuông, mõ.

#### *Tháng Chín*

Tổ chức lễ cúng Trùng cửu vào ngày mùng chín âm lịch. Các tín đồ không giải thích được ý nghĩa của lễ Trùng cửu, mà chỉ biết rằng, lễ cúng hình thành từ thời kỳ ông Đạo Rắc lập chùa truyền đạo. Lễ cúng này không hoặc hiếm được tổ chức trong các chùa đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở Nam Bộ, mà chỉ thường diễn ra ở chùa đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Bước đầu có thể cho rằng, lễ Trùng cửu, trước đây được tiến hành trong dân gian và trong cộng đồng đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Ông Đạo Rắc tiếp nhận lễ cúng này trong dân gian và kết hợp vào các lễ cúng của đạo. Theo dân gian, lễ cúng Trùng cửu hay tết Trùng dương<sup>12</sup> nhằm ngày mùng chín tháng chín âm lịch. Tết Trùng dương bắt đầu từ thời Tam quốc (220-280) [Vi Lê Minh, 2012: 60] ở Trung Hoa. Có nhiều truyền thuyết về nguồn gốc và ý nghĩa của ngày lễ này<sup>13</sup>, tuy nhiên có điểm chung, tết Trùng dương là thời điểm trị cơn trùng phá hoại, chống ẩm ướt, phòng ngừa gió độc, xua tai họa, xua đuổi dịch bệnh gây hại cho con người và loài vật... Ở Trung Hoa, vào đời nhà Thanh, trong lễ tết Trùng dương, người dân cài những cành hoa cúc lên cánh cửa sổ để “giải trừ hung uế, dĩ chiêu cát tường” (giải trừ những điều hung ác, cầu nguyện hướng tới điều may mắn) [Vi Lê Minh, 2012: 61]. Từ đó có thể nhận định, người Hoa khi di cư đến

vùng đất Nam Bộ đem theo lễ cúng này và người Việt đã tiếp nhận nó. Lễ cúng Trùng cửu - Trùng dương trong cộng đồng tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở chùa Thanh Sơn cũng mang ý nghĩa tương tự như vậy, có nghĩa là cúng cầu an, cầu cho dịch bệnh tiêu trừ, mùa màng tươi tốt, tai qua nạn khỏi, họ đạo bình an, trên thuận dưới hòa... Ở lễ cúng này, vào buổi sáng, tín đồ thực hiện dâng cúng mười hai mâm chay trên tất cả bàn thờ trong và ngoài chùa. Nghi thức thực hiện lễ cúng giống như các lễ cúng khác.

Qua hoạt động tôn giáo và các lễ cúng ở chùa Thanh Sơn, có thể thấy, Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương có sự khác biệt với nhiều ngôi chùa của Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy. Ở chùa Thanh Sơn, lễ cúng vừa mang tính tôn giáo, vừa mang đậm tín ngưỡng dân gian và truyền thống thờ phụng người đã khuất của người Việt.

#### ***4.2. Nghi lễ của Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa Thanh Sơn***

Khảo sát toàn bộ hệ thống nghi lễ của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở các chùa vùng Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy nghi lễ tôn giáo của tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở chùa Thanh Sơn còn giữ được những điểm truyền thống của Bửu Sơn Kỳ Hương từ khi ra đời cho đến nay. Để có cái nhìn sơ bộ về nghi lễ tôn giáo của tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở chùa Thanh Sơn, chúng tôi miêu thuật diễn trình thực hành nghi lễ thời cúng hằng ngày và nghi thức trong lễ cúng đưa chư thiên ngày 25/12 (âm lịch) để tham chiếu, sau đó luận giải về đặc điểm của nghi lễ.

##### ***4.2.1. Thời cúng hằng ngày***

Trong ngày, tín đồ chia thành ba thời cúng: sáng (5 hoặc 6 giờ), trưa (11 giờ), chiều (5 hoặc 6 giờ). Mỗi thời cúng, tín đồ thực hành tuần tự các nghi lễ.

Đầu tiên, tín đồ mặc trang phục áo dài đen, đầu đội khăn đóng, thực hiện nghi thức rót nước mát<sup>14</sup> cúng trên tất cả bàn thờ. Sau nghi thức rót nước, tín đồ “điểm chỉ” lên trán một lần, thể hiện sự cung kính, kính thỉnh<sup>15</sup> “vị” về dùng; tiếp tục đến bàn thờ khác rót nước cúng và kết thúc bằng nghi thức “điểm chỉ”. Hoàn thành dâng nước,

tín đồ đốt nhang, giơ nhang lên trán “điểm nhang”<sup>16</sup> - rồi cắm trên bàn thờ. Việc cắm nhang ở mỗi bàn thờ kết thúc bằng hành động “điểm chỉ” trên trán. Sau khi hoàn thành nghi thức dâng nhang, tín đồ đánh ba hồi đại hồng chung. Kết thúc nghi thức đánh hồng chung, tín đồ đứng trước bàn thờ thực hiện nghi thức xá. Đầu tiên, họ đứng trước bàn thờ Phật và giáo chủ Đoàn Minh Huyên, hai tay chấp theo hình thức “lạy Phật”: ngón cái tay trái chéo qua ngón cái tay phải, các ngón còn lại duỗi thẳng ra, đưa tay từ trán xá xuống ngực ba xá; kết thúc, giơ tay lên trán “điểm chỉ”. Sau đó, quay sang bàn thờ Đức Cố Quân, tay chấp theo hình thức “lạy lễ”: hai bàn tay chấp nắm tròn vào nhau, chéo hai ngón tay cái, xá ba xá. Sau ba xá, đưa tay lên trán “điểm chỉ”, kết thúc nghi thức hành lễ ở bàn thờ.

Tiếp tục quay về hướng bàn thờ Phật, tín đồ chấp hai tay theo hình thức lạy Phật, đưa lên trán niệm nguyện, xá ba xá, “điểm chỉ” lên trán; sau đó, quay sang hướng bàn thờ Quán cơ Trần Văn Thành, chấp tay theo cách thức “lạy lễ”, đưa lên trán niệm nguyện, xá ba xá, “điểm chỉ” lên trán. Tiếp đến các bàn thờ khác như Cựu thần vãn, Cựu thần võ, Mười hai lĩnh đạo, Chư vị Năm ông, Nam nữ theo đạo tiếp tục thực hiện nghi thức chấp tay theo hình thức “lạy lễ”: đưa lên trán niệm nguyện, xá ba xá ở mỗi bàn thờ, kết thúc nghi thức xá ở bàn thờ là hành động “điểm chỉ”. Ở bàn thờ Thông thiên ngoài chùa, tín đồ chấp tay theo hình thức lạy Phật, xá ba xá; xoay về hướng miếu Ngũ Hành Nương Nương và ngôi mộ ông Đạo Rắc chấp tay “lạy lễ”, mỗi hướng xá ba xá. Kết thúc xá ở mỗi hướng là nghi thức “điểm chỉ” trên trán.

Nhìn chung, việc thực hành nghi lễ ở các thời cúng hằng ngày diễn ra giống nhau. Tín đồ không quỳ lạy, tụng kinh... như trong nhiều ngôi chùa khác của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy ở Nam Bộ.

#### 4.2.2. *Cúng đưa chư thiên*

Chiều ngày 25/12 âm lịch, vào 5 giờ chiều, tín đồ tề tựu tại chùa, chuẩn bị các mâm cúng trên bàn thờ. Đến 6 giờ, họ chuẩn bị khay lễ; trên khay lễ có bốn cây nhang, bốn miếng trà, bốn miếng cau, đôi đèn cầy. Bốn cây nhang biểu trưng cho Tứ Bửu Linh tự “Bửu Sơn Kỳ Hương” (寶山奇香); bốn miếng trà và cau là vật kính dâng bốn vị Phật trong Bửu Sơn Kỳ Hương: Phật Vương, Phật Thầy, Đức Bổn sư

và Phật Trùm. Tín đồ bung khay lễ đến bàn thờ ông Đạo Rắc và gia tiên được con cháu phụng thờ tại nhà để tiến hành nghi thức kính thỉnh Thầy. Tín đồ tề tựu trước bàn thờ, đánh ba hồi tiêu chuông, đèn cây và bốn cây nhang được đốt cắm trên khay lễ. Kết thúc tiếng chuông, một tín đồ dâng khay lễ lên xá ba xá, sau đó, truyền khay lễ cho người cháu cố của ông Đạo Rắc làm chủ lễ. Chủ lễ dâng khay lễ xá ba xá, quay ra bàn thờ Thông thiên dâng khay lễ, xá ba xá. Sau đó, tín đồ quay về bàn thờ ông Đạo Rắc và gia tiên. Chủ lễ dâng khay lễ trước ngực, vái nguyện: “Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tín đồ họ đạo Thanh Sơn có làm lễ...”. Sau đó, chủ lễ truyền khay lễ cho tín đồ lớn tuổi bên cạnh đặt lên bàn thờ. Chủ lễ và các tín đồ đồng quỳ xuống lạy theo cách thức “lạy lễ” “nhất bộ nhất bái” như ở đình, miếu của người Việt ở Nam Bộ. Họ thực hiện bốn lạy trước bàn thờ ông Đạo Rắc, mỗi lạy hòa một tiếng chuông. Thực hiện xong bốn lạy, mọi người đứng dậy, tín đồ lớn tuổi bung khay lễ dâng lên trán, truyền cho chủ lễ. Chủ lễ dâng khay lễ trước ngực đọc bài nguyện. Các tín đồ khác đưa tay lên trán nguyện. Chủ lễ đọc xong bài nguyện, cầm khay lễ xá một xá, sau đó truyền khay lễ cho một tín đồ lớn tuổi đặt lên bàn thờ. Tín đồ lớn tuổi rút bốn cây nhang trên khay lễ cắm trên bàn thờ ông Đạo Rắc. Tín đồ tiếp tục xá ba xá, quỳ xuống lạy bốn lạy theo nghi thức lạy Phật, không lạy lễ (tay chấp lạy theo hình thức lạy Phật, hai ngón tay cái tréo vào nhau, các ngón còn lại duỗi thẳng ra)<sup>17</sup>; khi lạy bàn tay lật úp xuống đất. Một lần lạy có sự đan xen với nghi thức đập nhẹ đầu liên tục ba lần; mỗi lạy đan xen một tiếng chuông. Kết thúc bốn lạy, tín đồ đứng dậy xá một xá trước bàn thờ và một xá ngoài bàn Thông thiên. Kết thúc mỗi xá là một lần “điểm chỉ” trên trán. Sau đó, tín đồ lớn tuổi bung khay lễ trên bàn thờ dâng lên xá ba xá, kết thúc thực hành nghi lễ ở bàn thờ ông Đạo Rắc và gia tiên. Tín đồ bung khay lễ vào chùa tiếp tục thực hành nghi lễ.

Người làm lễ đứng trang nghiêm trước bàn thờ Phật và Phật Thầy Tây An. Một tín đồ chịu trách nhiệm đánh ba hồi đại hồng chung. Kết thúc ba hồi đại hồng chung, tín đồ đến bàn chuông - mõ (đặt dưới bàn thờ Phật) khởi mõ và chuông: đánh ba hồi mõ và điểm ba hồi chuông. Kết thúc ba hồi mõ - chuông, một tín đồ lớn tuổi khác đốt hai cây đèn cây và bốn cây nhang cắm trên khay lễ. Tín đồ dâng khay lễ lên trán

xá một xá, sau đó truyền khay cho chủ lễ là cháu cố ông Đạo Rắc. Chủ lễ dâng khay lễ xá một xá trước bàn thờ Phật và xoay người xá một xá trước bàn thờ Đức Cố Quán. Xá xong, trước bàn thờ Phật, chủ lễ dâng khay lễ trước ngực đọc bài nguyện. Kết thúc bài nguyện, chủ lễ truyền khay lễ cho tín đồ lớn tuổi đặt trên bàn thờ Phật. Tín đồ lớn tuổi “điểm chỉ” lên trán, sau đó, rút bốn cây nhang trên khay lễ cắm lên bàn thờ Phật. Cắm nhang xong, tín đồ chấp tay theo hình thức lạy Phật, quỳ lạy bốn lạy, bàn tay lật úp xuống, mỗi lạy kèm theo đập nhẹ đầu liên tục ba lần, một lạy hòa với một tiếng chuông. Kết thúc bốn lạy, tín đồ đứng dậy “điểm chỉ” trên trán.

Thực hành xong nghi thức ở bàn thờ Phật, tín đồ đốt bốn cây nhang khác cắm trên khay lễ. Trước bàn thờ Đức Cố Quán, tín đồ đồng chấp tay theo hình thức “lạy lễ”; tín đồ lớn tuổi dâng khay lễ xá trình, rồi chuyển cho chủ lễ. Chủ lễ dâng khay lễ trước ngực xá một xá, đọc bài nguyện. Kết thúc bài nguyện, chủ lễ truyền khay lễ cho tín đồ lớn tuổi đặt trên bàn thờ, lấy nhang ở khay lễ cắm trên bàn thờ. Sau đó, tín đồ đồng thực hiện nghi thức lạy lễ, “nhất bộ nhất bái”. Mỗi lạy kèm theo đập nhẹ đầu liên tục ba lần; sau bốn lạy họ đứng dậy xá ba xá. Sau đó, tín đồ quay sang hướng các bàn thờ Quan thân võ và Quan thân văn, chấp tay “lạy lễ” thực hiện nghi thức xá. Mỗi bàn thờ ba xá và “điểm chỉ”.

Tiếp theo, các tín đồ vào tề tựu trước bàn thờ Mười hai lịnh đạo, đánh ba hồi tiểu chuông. Một tín đồ lớn tuổi đốt bốn cây nhang cắm trên khay lễ và dâng khay lên trán xá trình lễ, sau đó truyền khay cho chủ lễ dẫn dắt thực hành. Chủ lễ dâng khay lên trán xá, đặt trước ngực đọc bài nguyện, kết thúc bài nguyện xá một xá rồi lại truyền khay lễ cho tín đồ lớn tuổi. Vị này rút bốn cây nhang trên khay lễ cắm lên bàn thờ. Tín đồ đồng quỳ thực hiện bốn lạy lễ rồi quay sang hướng các bàn thờ Phật Năm ông. Tín đồ nam nữ theo đạo chấp tay theo kiểu lạy lễ, xá ba xá.

Tín đồ tiếp tục ra trước bàn thờ Thông thiên, đốt hai cây nhang cắm trên bàn thờ, chấp tay theo cách thức “lạy Phật” đưa lên trán vái nguyện. Xong bài nguyện, họ đồng quỳ xuống lạy bốn lạy theo cách thức lạy Phật, bàn tay lật úp xuống đất, hai ngón tay cái chéo vào

nhau. Sau đó, tín đồ đứng dậy xá một xá rồi quay sang miếu thờ Ngũ Hành Nương Nương và mộ ông Đạo Rắc, mỗi hướng xá một xá. Đến đây, các tín đồ đã hoàn thành diễn trình nghi lễ cúng đưa chư thiên.

#### 4.2.3. Đặc điểm nghi lễ của Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa Thanh Sơn

Qua tổng thuật nghi lễ của Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo – Bửu Sơn Kỳ Hương tại chùa Thanh Sơn, chúng tôi nhận thấy nghi lễ ở đây không phức tạp như ở các chùa Phước Điền (Thới Sơn, Tịnh Biên), Tây An Cổ Tích tự (Nghĩa Thành, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu) hay như tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, giáo phái Tứ Ân Đạo Phật. Dựa trên hệ thống nghi lễ thực hành trong thời cúng hằng ngày và các ngày lễ, có thể nhận diện vài đặc điểm nổi bật sau:

*Cách thức bàn tay chấp chéo hai ngón tay cái:* Việc chấp chéo hai ngón tay cái “nam chéo tả”, “nữ chéo hữu” phổ biến trong tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tứ Ân Đạo Phật. Ý nghĩa của việc “chéo hai ngón tay cái” chưa được tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo giải thích rõ ràng, phần lớn cho rằng cách thức chấp chéo ngón tay được ông Đạo Rắc truyền dạy. Dựa trên cách thức thờ phụng, lịch sử hình thành phái Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo, có thể khẳng định, cách thức này được nói truyền từ Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy, mà người nhận truyền là con ông Hai Trần Văn Nhu - ông Trần Quang Nhơn, còn gọi là ông Đạo Chiếu.

Theo tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, việc “chéo hai ngón tay cái vào nhau” có ý nghĩa là chữ Thập (十), tám ngón tay còn lại duỗi thẳng ra là “Bát” (八), tượng trưng cho “Thập bát La Hán” - mười tám vị Phật La Hán. Cũng có người giải thích rằng, chéo hai ngón tay cái tượng trưng cho chữ “Nhân” (人), nói về đạo làm người, đạo Nhân trong đời sống hằng ngày - tu Nhân, theo tư tưởng Nho giáo.

*Bàn tay lạy lật úp xuống:* Khác với tín đồ Phật giáo Bắc tông, Phật giáo Hòa Hảo, khi lạy bàn tay lật ngửa ra, tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tứ Ân Đạo Phật khi lạy hai bàn tay “lật úp xuống” giống như Phật giáo Nguyên thủy (Theravada). Về cách lạy lật úp bàn tay xuống, đa số tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở

chùa Thanh Sơn không giải thích được ý nghĩa. Một vài tín đồ lớn tuổi hiểu “mơ hồ”, do trước đây được ông bà của họ nói cho biết, đó là “ấn của Phật”.

Tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương chùa Phước Điền (Thới Sơn, Tịnh Biên), Bửu Sơn Kỳ Hương chùa Vĩnh Xương (Tân Châu, An Giang), Tây An Cổ Tích tự (Nghĩa Thành, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu)... cũng cho rằng, lạy bàn tay “lật úp” biểu trưng cho “ấn của Phật” - Ấn Thập bát La Hán. Bàn tay “lật úp” và chắp tay “chéo hai ngón tay cái” có quan hệ chặt chẽ với ý nghĩa “ấn của Phật”, nên cách lạy này chỉ được thực hiện ở bàn thờ Phật, bàn thờ Thông thiên, không được thực hiện ở bàn thờ “người phạm” (bàn thờ “người phạm” phải “lạy lễ”).

*Thực hành “lạy lễ”*: Lạy lễ là cách lạy truyền thống của người Việt ở Nam Bộ, diễn ra ở đình, miếu thờ thần, hoặc trong lễ cúng ở gia đình như lễ cưới, hỏi, lạy ông bà, cha mẹ khi còn sống... Lạy lễ có nhiều cách thức khác nhau, nhưng phổ biến nhất là theo dạng “nhất bộ nhất bái”. Thực hành “lạy lễ” diễn ra phổ biến trong các ngôi chùa của Bửu Sơn Kỳ Hương. Theo tín đồ cho biết, sở dĩ phải “lạy lễ” ở các bàn thờ Quan cơ Trần Văn Thành, Thập nhị ông Đạo, Quan thần võ, Quan thần văn... bởi vì các vị là “người phạm”, khi chết thành thần; cách chắp tay lạy xòe ra - úp xuống là “ấn của Phật”, được thực hiện đối với bàn thờ Phật - Thánh - Tiên - Thiên (Trời), không thể dùng cách thức “lạy Phật” để lạy “người phạm”. Nếu thực hiện như vậy thì vô tình “người phạm” lại chịu tội và người thực hành cũng có tội.

*Hình thức “điểm chỉ”*: Điểm chỉ trên trán khi bắt đầu hoặc kết thúc các hoạt động lạy, cắm nhang, dâng nước, xá, gõ chuông, mõ... ở mỗi bàn thờ hoặc một lần hành lễ. Tín đồ đưa bàn tay hoặc hai ngón tay (tùy theo thói quen) điểm trên (giữa) trán một lần. Đây là nghi thức khá độc đáo trong hệ thống nghi lễ của tín đồ ở chùa Thanh Sơn. “Điểm chỉ” không được thực hiện ở tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương nơi khác. Theo tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo chùa Thanh Sơn, nghi thức “điểm chỉ” biểu hiện sự tin tưởng, kính trọng vị được thờ, kính cẩn chào khi bắt đầu và kết thúc hành lễ... Tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa khác, sau mỗi lần thực hiện nghi thức lạy, đốt nhang, vái nguyện... thì dùng hai

bàn tay ốp vuốt lên đầu từ trán ra sau gáy thể hiện sự cung kính. Tín đồ chùa Thanh Sơn thực hiện cả hai hình thức “điểm chỉ” và ốp hai bàn tay vuốt lên đầu. Điều này cho thấy, “điểm chỉ” có mối quan hệ - ý nghĩa hàm ẩn - của tên gọi Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo.

*Khay lễ:* Khay lễ là “vật thiêng” xuất hiện trong suốt quá trình thực hành nghi lễ của tín đồ chùa Thanh Sơn. Khay lễ - biểu tượng quen thuộc trong đời sống lễ nghi của người Việt ở Nam Bộ, dùng để đựng trà, dâng rượu... ở miếu, đình, trong lễ cưới hỏi... nhằm thể hiện sự kính trọng. Ở các chùa khác, khay lễ hiếm khi được dùng khi tiến hành các lễ cúng, tuy nhiên, tín đồ ở chùa Thanh Sơn lại sử dụng khay lễ xuyên suốt trong các lễ cúng.

Khay lễ được dùng để dâng nhang, trà, nước, xá kính thỉnh, vái nguyện ở mỗi bàn thờ trong chùa và bàn thờ ông Đạo Rắc, gia tiên. Khi hành lễ, trên khay lễ, cặp đèn cây và bốn cây nhang được đốt liên tục, trên khay còn có bốn miếng trà, bốn miếng cau. Ở mỗi bàn thờ, chủ lễ đều dâng khay lễ xá, kính bạch, sau đó đặt khay trên bàn thờ, tín đồ lớn tuổi lấy bốn cây nhang trên khay lễ cắm lên bàn thờ. Ở các ngôi chùa khác của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, tín đồ đơn thuần đốt nhang cắm trên bàn thờ, nhưng ở chùa Thanh Sơn thì phải qua “trung gian” là khay lễ.

Theo các tín đồ, khay lễ thể hiện sự cung kính khi thực hiện lễ nghi đối với các vị. Đồ dâng cúng trước hết là nhang, ngoài ra còn trà, cau, nước... cần kính dâng bằng khay lễ, không tùy tiện dâng bằng tay lên các vị. Do đó, khay lễ trở thành biểu tượng thiêng mang tính “trung gian” giữa con người với các đấng thiêng liêng khi dâng lễ.

*Bài nguyện dâng cúng:* Vào mỗi thời cúng hằng ngày hoặc ngày lễ, ở mỗi bàn thờ, tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương ở các chùa Phước Điền, chùa ông Đạo Cây, Tây An Cổ Tích tự... lại đọc bài kinh, bài nguyện khác nhau. Nhưng tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương chùa Thanh Sơn không đọc bài kinh mà chỉ “niệm nguyện” cầu nơi Phật và các vị theo ước vọng của bản thân. Vào ngày lễ cúng, người ta thực hiện một bài nguyện dùng chung ở tất cả các lễ, tất cả bàn thờ, chỉ thay đổi danh xưng, ngày tháng diễn ra lễ cúng, tên gọi lễ cúng. Nội dung bài nguyện như sau:

“Nam<sup>18</sup> Bửu Sơn Kỳ Hương Phật, Đức Bồn sư, Phật Pháp tăng, Bửu Sơn Kỳ Hương, dâng hương, nguyện hương, giới hương, tuệ hương, định hương, mỗi nhật phàm hương, thấu tới thập phương, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương, nguyện Cửu Huyền Thất tổ độ gia hương, phụ mẫu tại đường, tăng long phúc thọ, phụ mẫu quá khứ trực vãng Nam<sup>19</sup> phương, khắp (xứ) xứ đều hòa, an thực đẳng nguyện gia gia phước đức thọ trường. Nam Bửu Sơn Kỳ Hương Phật, trình...<sup>20</sup> chứng minh, nay ngày...<sup>21</sup> nhà đạo chi nhánh Thanh Sơn cùng anh em lớn nhỏ con, cháu, nội, ngoại bảo gia Thanh Sơn sum họp về dâng phẩm vật dâng cơm mặn<sup>22</sup>, trình...<sup>23</sup> về chứng minh, chúng con cầu xin điều lành. Cầu xin cho bệnh dịch tiêu tan, quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, cùng bốn đạo Bửu Sơn Kỳ Hương lớn nhỏ xa gần bình an, tai qua nạn khỏi, đầu năm cũng như cuối năm sáng suốt vinh quang, trên thuận dưới hòa, no cơm ấm áo, gìn giữ đạo Lành. Nam Bửu Sơn Kỳ Hương Phật”. Đây là bài nguyện trong lễ cúng của tín đồ chùa Thanh Sơn, đoạn đầu là bài “Nguyện hương” của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Tuy nhiên, bài nguyện này có một vài từ khác biệt so với bài “Nguyện hương” ở một số chùa khác. Sự khác biệt này là do bài nguyện không được ghi chép cụ thể, chủ yếu là truyền miệng nên có tính “dị bản”.

Qua diễn trình nghi lễ và một số đặc điểm nổi bật trong nghi lễ của tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương chùa Thanh Sơn, có thể thấy, đây là sự truyền nói nghi lễ của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử xã hội nên không có sự thống nhất trong cộng đồng tín đồ, chủ yếu truyền nói bằng cách thức “thầy dạy trò”, “người lớn truyền người nhỏ” theo kinh nghiệm... nên nghi lễ có sự khác biệt nhất định giữa các nhóm tín đồ. Các đặc điểm nghi lễ của tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo cũng cho thấy có sự tiếp nhận lễ nghi Phật giáo nguyên thủy và nghi lễ truyền thống dân gian của người Việt ở Nam Bộ, giống như ở Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy. Hay nói cách khác, tính dung hợp trong nghi lễ này có nguồn gốc từ Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy, tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở chùa Thanh Sơn thụ nhận và tiếp truyền.

### **Kết luận**

Triết lý tu hành của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương phù hợp với nhu cầu đời

sống vật chất và tinh thần của người dân Nam Bộ nên được tiếp nhận rộng rãi. Quá trình tồn tại, do chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương không còn phát triển rộng rãi và dần suy tàn. Đến những thập niên đầu thế kỷ XX, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương phát triển trở lại. Thời kỳ này hình thành nhiều chi phái, nhóm tín đồ, trong đó có Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo.

Về phương diện lịch sử, người sáng lập cộng đồng tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo – Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa Thanh Sơn, mặc dù truyền thống gia đình chưa từng là tín đồ của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, nhưng ông đã kế thừa những giá trị căn cốt nhất của Bửu Sơn Kỳ Hương khi truyền đạo, đó là tư tưởng-pháp môn tu hành: làm lành lánh dữ, niệm Phật, tu Nhân – học Phật, vừa tu hành vừa lao động sản xuất,... Với phương pháp tu hành bình dân, gần gũi nên chỉ trong thời gian ngắn truyền đạo, ông Đạo Rắc đã thu nhận nhiều tín đồ từ khắp nơi đến quy y tu học. Và trong quá trình truyền đạo, trị bệnh cứu người, nhóm tín đồ của ông Đạo Rắc dễ dàng hòa hợp với các nhóm tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương của những ông Đạo khác, góp phần quan trọng phát triển đạo Bửu Sơn Kỳ Hương mà không có sự “mâu thuẫn” nào. Điều đó chứng minh rằng, tư tưởng tu Nhân – học Phật, làm lành lánh dữ,... của Bửu Sơn Kỳ Hương đã trở thành triết lý sống-tu hành chủ đạo, bình dân, phổ quát trong đời sống người dân ở vùng Tây Nam Bộ.

Bên cạnh tư tưởng, phương thức tu hành, thì hoạt động tôn giáo của cộng đồng tín đồ ở chùa Thanh Sơn cũng mang tính bình dân, phù hợp với đời sống lao động sản xuất của con người. Hàng ngày, tín đồ chỉ thực hành tôn giáo hai hoặc ba thời, sáng, trưa và chiều, tại gia hoặc tại chùa, không có nhiều hoạt động kinh tụng, đúng như tinh thần vô vi của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương nguyên thủy.

Về lễ cúng, tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo một mặt tiếp nhận lễ cúng theo truyền thống tôn giáo, mặt khác, kế thừa lễ cúng tín ngưỡng dân gian như: cúng Việc lễ, cúng giỗ kỷ niệm người có công với đất nước, cúng tết Đoan Ngọ, cúng Trùng cử,... Qua những lễ cúng cho thấy, Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo – Bửu Sơn Kỳ Hương ở chùa Thanh Sơn đã bình dân hóa các hoạt động thờ cúng của đạo, gắn liền với truyền thống tâm linh của gia đình và cộng đồng.

Ở bình diện nghi lễ, tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở chùa Thanh Sơn vừa nói truyền nghi lễ truyền thống của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, bên cạnh đó đã tiếp nhận hình thức nghi lễ Phật giáo, nghi lễ dân gian; ngoài ra, ông Đạo Rắc còn hình thành những nghi thức tôn giáo theo niềm tin thiêng liêng trong quá trình truyền đạo. Những đặc trưng nghi lễ này của tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo tạo nên sự đa dạng, độc đáo trong cộng đồng tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương ở từng địa phương khác nhau./.

---

#### CHÚ THÍCH:

- 1 Nhiều tín đồ, ngay cả con của ông, cũng không nhớ ông sinh năm nào. Số năm sinh đề cập trong bài viết do chúng tôi phỏng vấn một tín đồ cao tuổi, uy tín trong cộng đồng về năm mất và số tuổi khi ông qua đời.
- 2 Nay thuộc địa phận ấp Hòa Tây B, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn. Cách nhà ông khoảng 12 km.
- 3 Phỏng vấn ông Ba Đ., 83 tuổi, tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo - Bửu Sơn Kỳ Hương, đệ tử của ông Đạo Rắc, nhà gần chùa Thanh Sơn, ngày 6/2/2022.
- 4 Trong bài nghiên cứu về chùa Bửu Linh công bố năm 2020, chúng tôi cho rằng, ông Châu Chứa quy y theo con ông Đạo Đền, tuy nhiên, khi nghiên cứu sâu hơn, chúng tôi thấy rằng ông quy y theo cháu ông Đạo Đền sẽ hợp lý hơn. Nhân đây, chúng tôi xin đính chính chi tiết nhầm lẫn này.
- 5 Theo Nguyễn Văn Hậu trong *Thất Sơn màu nhiệm*, ông Trần Văn Nhu có hai người con: con trai trưởng Trần Quang Nhơn (tục gọi Cậu Hai Cỏ), con gái tên Trần Thị Xinh (tr.165).
- 6 Tư liệu phỏng vấn sâu ông thủ đình Vĩnh Thạnh Trung, năm nay 84 tuổi, là người cố cựu ở Vĩnh Thạnh Trung và tín đồ Tin Minh Hiếu Nghĩa giáo ở chùa Thanh Sơn.
- 7 Trong *Thất Sơn màu nhiệm*, tác giả Nguyễn Văn Hậu có nhắc đến “ông Đạo Sang ở đình ngã ba Cái Dầu” (tr.180). Có lẽ tác giả Nguyễn Văn Hậu nhầm tên “San” thành “Sang” vì tín đồ ở chùa Đáo Cử Chiếu Minh cho chúng tôi biết, ông tên “San”, có nghĩa là “Sơn” (山, nghĩa là núi), chứ không phải “sang giàu”. Bia mộ ông cũng đề danh như vậy.
- 8 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu điền dã trong các năm 2018, 2021, 2022.
- 9 Theo niềm tin của tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương (và Phật giáo Hòa Hảo), Ngũ Công - Phật Năm Ông gắn với hình tượng Năm Ông Thê. Năm Ông Thê được xác định ở năm hướng, mỗi hướng gắn liền với một vị Phật. Đó là các hướng, *thứ nhất*: Trung ương nằm ở núi Cẩm thuộc vùng Bảy Núi (Trung ương Huỳnh đế Đường công Vương Phật), thê Trung ương, màu vàng, được cho là nơi sau này Phật Di Lặc ra đời; nơi đây sẽ xuất hiện “đền vàng điện ngọc” khi lập Hội Long Hoa, gắn với đời Thượng nguyên

an lạc; người tu hành sẽ được dẫn dắt về nơi Trung ương “đền vàng điện ngọc” này, sống cuộc đời sung túc, an lạc, không bệnh tật,... *Thứ hai*: Hướng Đông phương Thanh đế Chí Công Vương Phật, màu xanh, là thẻ số 1, cắm tại làng Vĩnh Hạnh (nay thuộc Châu Thành, An Giang). *Thứ ba*: Bắc phương Hắc đế Bửu Công Vương Phật, cây thẻ số 2, được cho là cắm tại làng Vĩnh Thạnh Trung (Châu Phú, An Giang), nơi ngọn Ngã Bát. *Thứ tư*: Tây phương Bạch đế Hóa Công Vương Phật, thẻ màu trắng, số 3, cắm tại Bà Bài (Vĩnh Tế, Châu Đốc, An Giang). *Thứ năm*: Nam phương Xích đế Lãng Công Vương Phật, màu đỏ, thẻ số 4, cắm tại làng Vĩnh Điều (thuộc Giang Thành, tỉnh Kiên Giang). Truyền tích Năm ông/cây thẻ – Ngũ Công Vương Phật này do Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền cử ông Đạo Trần Văn Thành đi cắm thẻ. Bốn cây thẻ/bốn ông ở bốn phương bảo vệ cho ngọn núi Cấm - Trung ương, nơi xuất hiện ngôi báu “đền vàng điện ngọc”, Phật Di Lặc ra đời. Trong dân gian, dấu tích các cây thẻ này ngày nay vẫn còn!

- 10 “Hội Long Hoa” là kết quả của quá trình phân kỳ Tam nguyên: Thượng nguyên - Trung nguyên và Hạ nguyên (kỳ ba). Kết thúc thời kỳ Hạ nguyên - Mạt pháp sẽ ra đời Hội Long Hoa, lập đời Thượng nguyên trở lại. Do vậy mà trong các thi giảng, sấm giảng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, kết thúc thời kỳ Hạ nguyên cũng đồng thời là thời kỳ “điểm hẹn” lập Hội Long Hoa - Thượng nguyên. Và Hội Long Hoa là thời điểm Phật Di Lặc ra đời. Vì sao “Hội” của Đức Phật Di Lặc thành lập được lấy tên Hội Long Hoa? Theo tác giả Vương Kim, trong sưu khảo *Tận thế và Hội Long Hoa* (1953) thì: Bởi vì Đức Phật Di Lặc ngồi dưới cội cây Long Hoa mà đắc đạo, do đó, hết thời kỳ Mạt pháp/Hạ nguyên lập lại đời Thượng nguyên sẽ lấy tên Hội Long Hoa.

Theo quan niệm của tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (và Phật giáo Hòa Hảo), Hội Long Hoa trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương được cho ra đời tại An Giang, mà trung tâm là ngọn núi Cấm thuộc vùng Bảy Núi. Con người sẽ được dẫn dắt tham dự Hội Long Hoa, sống trên cảnh giới “đền vàng, điện ngọc”,... thì phải biết tu hiền, Tu Nhân - Học Phật,... Còn ngược lại sẽ bị “hùm tha sáu bắt”, chết chóc, chìm trong phong vũ, bão lửa,... Vì cõi Cực lạc do Phật Di Lặc lập nên ở Hội Long Hoa chỉ dành cho những người hiền đức, tu hành...

- 11 Lễ cúng giỗ truyền thống của người Việt nói chung, người Việt vùng Nam Bộ nói riêng, chia làm hai ngày cúng, cúng mâm tiên và cúng mâm chánh. Cúng “mâm tiên” là cúng trước một ngày, thường diễn ra vào buổi chiều.

12 Số 9 thuộc hệ số dương.

- 13 Theo Đinh Văn Hạnh trong *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ*, tục truyền vào đời Hán (Trung Hoa), có người tên là Hoàn Cảnh theo Phi Trảng Phòng học phép tiên. Một hôm Phòng bảo Cảnh: mộng chín tháng chín nhà anh có nạn to, bảo người mang túi lụa đựng thuốc Thù Du, đeo ở tay rồi lên núi uống rượu thì qua khỏi nạn. Hoàn Cảnh nghe

lời, đem hết người nhà lên núi, tới Cảnh về nhà thấy các vật nuôi đều chết hết. Phòng nói với Cảnh rằng các con vật đó chết thay cho người. Theo tích này, hằng năm đến ngày chín tháng chín, người ta làm lễ cúng. Lễ Trưng Cửu sau đó từ Trung Quốc du nhập vào Việt Nam (tr. 332).

- 14 Nước dâng cúng là nước lọc hoặc nước được đun sôi.
- 15 “kính thỉnh” (懺請): có nghĩa là kính trọng/trình trọng mời, thể hiện tính thiêng liêng trong tâm. Đây là từ thường dùng trong các lễ cúng tín ngưỡng và tôn giáo của người Việt vùng Tây Nam Bộ, chẳng hạn như: kính thỉnh chư vị, kính thỉnh ông bà, kính thỉnh thần đất đai viên trạch,...
- 16 Tín đồ đứng trước bàn thờ, trước khi cắm nhang, một tay cầm nhang, đưa lên điểm giữa trán, rồi mới cắm trên bàn thờ. Hình thức này hoàn toàn khác với hình thức hai tay chấp nhang xá rồi cắm nhang.
- 17 Theo cách thức, ngón cái tay trái chéo qua ngón cái tay phải đối với tín đồ nam, và ngón cái tay phải chéo qua ngón cái tay trái đối với tín đồ nữ.
- 18 Không phải “Nam mô” mà “Nam Bửu Sơn Kỳ Hương”.
- 19 Ở một số chùa khác là “Tây phương”.
- 20 Tên vị được thờ. Chẳng hạn như trước bàn thờ Phật: “trình Đức Phật chứng minh”, trước bàn thờ Đức Cố Quán: “trình ông Cố bà Cố chứng minh”.
- 21 Ngày, tháng, năm diễn ra lễ cúng.
- 22 Nếu cúng chay, ngọt, thì nguyện: mâm chay, mâm ngọt...
- 23 Tên vị được thờ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cậu Hai Cả Trần Quang Nhơn, *Giảng Nhà Láng Tri lai Bửu tích*, Suu tầm tại Bửu Sơn tự (Kiến An, Chợ Mới), bản đánh máy và kèm theo bản chữ viết tay.
2. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương Phật Thầy Tây An (2005), *Nghi thức tụng niệm hằng ngày*, Tây An Cổ Tích tự, Ban Trị sự đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ấn hành.
3. Đinh Văn Hạnh (1999), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Văn Hậu (1956), *Đức Cố Quán hay là cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa*, Nxb. Tân Sanh, Sài Gòn.
5. Nguyễn Trung Hiếu (2020), “Đặc trưng thờ phụng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở An Giang (khảo cứu trường hợp chùa Bửu Linh, Tri Tôn)”, trong Thích Nhật Từ (chủ biên), *Các hệ phái Phật giáo và tôn giáo mới tại vùng Nam Bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Nhật Huỳnh (2006), *Sự tích Bồng Lai tự và ông Đạo Lập*, lưu hành nội bộ, bản in.
7. Vương Kim (1953), *Tận thế và Hội Long Hoa*, Nxb. Long Hoa, Sài Gòn.
8. Vương Kim, Đào Hưng (1954), *Đức Phật Thầy Tây An*, Nxb. Long Hoa, Sài Gòn.

9. Vi Lê Minh (2012), *Lễ tết Trung Quốc* (Đình Thị Thu dịch), Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Thanh Phong (2018), “Sự dung nạp tín ngưỡng Ngũ công vương Phật trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Quyển 20, số 10.
11. Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương Tứ Ân Hiếu Nghĩa (1870, 2001), *Linh Sơn Hội Thượng Kinh*, Tam Bửu điện (Ba Chúc, Tri Tôn) ấn hành, bản đánh máy.
12. Nguyễn Văn Sâm (2006), *Kinh Năm ông*, Chợ Mới (An Giang), tư liệu sưu tầm, bản photo.
13. Nguyễn Văn Thới (1972), *Kim cổ kỳ quan* (trọn bộ chín quyển), Sưu tầm tại chùa Thanh Sơn (Phủ Hòa, Thoại Sơn, An Giang), Cơ quan ấn hành kinh sách Phật giáo Hòa Hảo, Nhà in Thế Hùng (Long Xuyên).

### Abstract

#### **THANH SON PAGODA AND FORMATION PROCESS OF BELIEVERS OF “TIN MINH HIẾU NGHĨA GIÁO – BỬU SON KỶ HƯƠNG” IN PHU HOA TOWN, THOAI SON DISTRICT, AN GIANG PROVINCE**

**Nguyen Trung Hieu**

*An Giang University,*

*Vietnam National University - Ho Chi Minh City*

In the early decades of the twentieth century, Buu Son Ky Huong's religion was re-established by disciples of “ông đạo” and began to develop. The revival of the original Buu Son Ky Huong and the birth of the sects showed the strong vitality of a religion that has had a profound influence on the spiritual life of the people of the South. It affirmed that the religious practice method met the spiritual needs of the people through historical and social circumstances. Thanh Son Pagoda and a group of followers of Tin Minh Hieu Nghia - Buu Son Ky Huong in Phu Hoa town, Thoai Son district, An Giang province were born in that historical and social context and there are no studies of this community. The article indicates the process of forming Thanh Son pagoda and the group of followers of Tin Minh Hieu Nghia - Buu Son Ky Huong and the relationship between Thanh Son pagoda and the “ông đạo” and followers of Buu Son Ky Huong religion in An Giang. It also shows characteristics of worship and religious activities in Thanh Son pagoda.

**Keywords:** Thanh Son pagoda; Thoai Son district; Tin Minh Hieu Nghia.